

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT
SANEST KHÁNH HÒA**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 3
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	4 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	9 - 10
6. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 - 36

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanest Khánh Hòa theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanest Khánh Hòa.

Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201675916 thay đổi lần thứ 1 ngày 16 tháng 11 năm 2017 được cấp bởi Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH một thành viên sang công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanest Khánh Hòa.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi đến lần thứ ba ngày 10 tháng 4 năm 2025 bởi Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa do thay đổi địa chỉ trụ sở chính, thông tin người đại diện theo pháp luật và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Điện thoại : 0258 3865 666
- Fax : 0258 3865 664

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Đức Tiến	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Ông Lê Hoàng Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2025
Bà Bùi Thị Hạnh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Xuân Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Hải Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2024
Ông Lê Huỳnh Phụng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2025

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Bà Hoàng Thị Ân Vũ	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Minh Quân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Bà Huỳnh Thị Trần Lê	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban quản lý, điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Hoàng Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2024
Ông Nguyễn Xuân Anh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Ông Trương Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Minh Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2024
Bà Ngô Thị Xuân Nghĩa	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2025
	Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Đức Tiến – Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2020).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,


Lê Đức Tiến
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 28 tháng 7 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		511.006.466.557	621.789.028.838
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	45.694.578.660	140.961.072.575
1. Tiền	111		29.694.578.660	95.904.990.383
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.000.000.000	45.056.082.192
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		110.564.433.574	82.480.224.071
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	105.614.042.970	77.869.128.142
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.082.577.987	2.735.594.345
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	2.867.812.617	1.875.501.584
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		334.915.781.960	382.941.061.858
1. Hàng tồn kho	141	V.5	334.915.781.960	382.941.061.858
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.831.672.363	15.406.670.334
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	4.450.230.042	6.601.803.508
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.244.206	5.806.246.487
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	15.380.198.115	2.998.620.339
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		182.771.266.821	196.688.685.090
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		175.000.000	189.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	175.000.000	189.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		152.139.096.746	160.706.250.048
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	152.032.457.861	160.523.527.829
- Nguyên giá	222		411.969.170.117	407.724.387.557
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(259.936.712.256)	(247.200.859.728)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	106.638.885	182.722.219
- Nguyên giá	228		924.277.779	924.277.779
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(817.638.894)	(741.555.560)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.899.816.617	6.858.232.850
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	4.899.816.617	6.858.232.850
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		25.557.353.458	28.935.202.192
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	19.361.629.926	23.134.882.164
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.10	6.195.723.532	5.800.320.028
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		693.777.733.378	818.477.713.928

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		296.895.937.406	410.117.821.668
I. Nợ ngắn hạn	310		272.843.576.795	379.701.236.557
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	98.140.144.000	210.740.658.909
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	22.821.673	814.227.056
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	10.236.708.933	17.446.260.266
4. Phải trả người lao động	314	V.14	33.017.155.519	16.698.919.246
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	11.131.780.398	321.149.363
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	5.938.855.960	5.016.318.493
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a,c	113.874.796.614	111.023.428.423
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	481.313.698	17.640.274.801
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		24.052.360.611	30.416.585.111
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b,c	24.052.360.611	30.416.585.111
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		396.881.795.972	408.359.892.260
I. Vốn chủ sở hữu	410		396.881.795.972	408.359.892.260
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	330.000.000.000	330.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		330.000.000.000	330.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	43.519.822.561	40.087.911.829
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	23.361.973.411	38.271.980.431
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		24.980.431	38.271.980.431
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		23.336.992.980	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		693.777.733.378	818.477.713.928



Khánh Hòa, ngày 28 tháng 7 năm 2025

Ngô Thị Xuân Nghĩa
Người lập/Kế toán trưởng

Lê Hoàng Anh
Tổng Giám đốc

Lê Đức Tiến
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	318.780.889.577	356.743.777.819	643.360.662.913	639.653.678.857
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.509.794.444	-	3.509.794.444	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		315.271.095.133	356.743.777.819	639.850.868.469	639.653.678.857
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	241.620.127.468	257.962.975.390	498.626.732.454	467.603.296.202
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		73.650.967.665	98.780.802.429	141.224.136.015	172.050.382.655
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	376.019.065	389.967.017	820.286.414	724.724.347
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.773.031.877	773.592.834	3.800.086.080	1.909.441.340
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.773.031.877	772.708.711	3.794.211.731	1.907.271.549
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	35.794.053.640	59.813.048.381	58.725.446.816	95.341.804.020
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	15.290.751.090	18.494.371.486	36.870.574.988	36.387.753.901
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.169.150.123	20.089.756.745	42.648.314.545	39.136.107.741
12. Thu nhập khác	31	VI.8	370.555.503	58.714.433	398.212.602	260.459.272
13. Chi phí khác	32	VI.9	42.897.746	76.304.704	79.579.172	76.364.478
14. Lợi nhuận khác	40		327.657.757	(17.590.271)	318.633.430	184.094.794
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.496.807.880	20.072.166.474	42.966.947.975	39.320.202.535
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	4.263.913.616	4.527.181.961	9.043.244.154	8.437.728.431
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	65.507.232	(331.027.726)	(395.403.504)	(391.956.984)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.167.387.032	15.876.012.239	34.319.107.325	31.274.441.088
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		17.167.387.032	15.876.012.239	34.319.107.325	31.274.441.088
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-	-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	395	385	811	758
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	395	385	811	758



Khánh Hòa, ngày 28 tháng 7 năm 2025

Ngô Thị Xuân Nghĩa
Người lập/Kế toán trưởng

Lê Hoàng Anh
Tổng Giám đốc

Lê Đức Tiến
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		42.966.947.975	39.320.202.535
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		12.742.417.384	15.021.062.359
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(15.842.485)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(799.223.933)	(716.818.540)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	3.794.211.731	1.907.271.549
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		58.688.510.672	55.531.717.903
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(32.011.496.411)	58.740.044.377
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.5	48.025.279.898	65.155.796.748
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(88.367.578.308)	(117.304.803.651)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.6	7.578.541.708	2.919.163.240
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5 , V.15	(3.824.759.893)	(1.907.271.549)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(12.402.187.764)	(5.129.160.895)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.18	127.020.000	211.080.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(25.889.670.319)	(14.873.842.051)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(48.076.340.417)	43.342.724.122
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6.245.363.607)	(27.751.589.150)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	799.223.933	716.818.540
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.446.139.674)	(27.034.770.610)


CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA


Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17a,b	146.687.093.058	216.056.569.966
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17a,b	(150.199.949.367)	(222.026.041.660)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19	(38.247.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(41.759.856.309)	(5.969.471.694)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(95.282.336.400)	10.338.481.818
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	140.961.072.575	148.322.638.087
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		15.842.485	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	45.694.578.660	158.661.119.905


Ngô Thị Xuân Nghĩa
 Người lập/Kế toán trưởng


Lê Hoàng Anh
 Tổng Giám đốc

(Khánh Hòa, ngày 28 tháng 7 năm 2025)


Lê Đức Tiến
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ Yến sào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con, chỉ phát sinh cơ cấu lại khoản đầu tư vào hai công ty con như sau: Theo Nghị quyết số 13/NQ-SKH ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng quản trị, Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa sẽ nhận sáp nhập Công ty TNHH MTV Chế biến Đặc sản Yến sào. Toàn bộ tài sản, nợ phải trả và vốn của chủ sở hữu tại ngày 31/01/2025 của Công ty TNHH MTV Chế biến Đặc sản Yến sào đã được bàn giao cho Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa theo giá trị sổ sách. Ngày 08/03/2025 Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 3 do nhận sáp nhập Công ty TNHH MTV Chế biến Đặc sản Yến sào.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	Lô 10 Cụm Công nghiệp Diên Phú - VCN, xã Diên Điền, tỉnh Khánh Hòa	Bán buôn, bán lẻ thực phẩm

Tỷ lệ vốn góp, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con là 100%.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 926 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.139 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ và chi phí vật tư.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là giá trị lợi thế kinh doanh, chi phí thuê đất và cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp, chi phí thuê mặt bằng và chi phí công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí không quá 10 năm kể từ ngày Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

Chi phí thuê đất và cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp

Chi phí thuê đất và cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ được tính từ khi dự án đi vào hoạt động cho đến kết thúc thời gian thuê.

Chi phí thuê mặt bằng

Chi phí thuê mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	04 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định khác	05

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính:

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt) để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chia cổ tức của Công ty.

16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	664.935.682	1.329.116.433
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.029.642.978	94.575.873.950
Các khoản tương đương tiền	16.000.000.000	45.056.082.192
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	16.000.000.000	45.056.082.192
Cộng	45.694.578.660	140.961.072.575

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	88.516.731.621	47.457.605.389
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến Sào Khánh Hòa	69.054.181.635	22.273.446.107
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	19.459.299.186	20.253.708.938
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng	-	2.772.792
Công ty TNHH MTV Nông trường Dừa Cam Thịnh	-	4.927.677.552
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	3.250.800	-
Phải thu các khách hàng khác	17.097.311.349	30.411.522.753
Các khách hàng khác	17.097.311.349	30.411.522.753
Cộng	105.614.042.970	77.869.128.142

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp khác	2.082.577.987	2.735.594.345
Cộng	2.082.577.987	2.735.594.345

4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký quỹ, ký cược	154.619.891	-	308.033.891	-
Phải thu Bảo hiểm và Thuế TNCN của người lao động	681.060.899	-	774.866.181	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi (xem thuyết minh số V.18)	1.482.667.750	-	-	-
Các khoản phải thu khác	549.464.077	-	792.601.512	-
Cộng	2.867.812.617	-	1.875.501.584	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký cược, ký quỹ	175.000.000	-	189.000.000	-
Cộng	175.000.000	-	189.000.000	-

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	194.468.931.039	-	216.133.240.956	-
Công cụ, dụng cụ	55.565.613.427	-	77.539.822.371	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.191.919.555	-	23.737.167.978	-
Thành phẩm	61.992.699.997	-	57.020.762.584	-
Hàng hóa	7.885.382.474	-	6.247.189.715	-
Hàng gửi đi bán	2.811.235.468	-	2.262.878.254	-
Cộng	334.915.781.960	-	382.941.061.858	-

6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.097.593.981	2.143.034.655
Chi phí thuê mặt bằng, văn phòng	363.614.997	664.505.554
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.989.021.064	3.794.263.299
Cộng	4.450.230.042	6.601.803.508

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	4.407.696.486	3.050.203.808
Chi phí thuê mặt bằng	41.846.153	167.384.615
Chi phí thuê đất và cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp ⁽ⁱ⁾	7.606.503.834	7.697.237.478
Giá trị lợi thế kinh doanh	6.911.709.625	11.519.516.065
Các chi phí trả trước dài hạn khác	393.873.828	700.540.198
Cộng	19.361.629.926	23.134.882.164

- (i) Quyền sử dụng đất thuê tại Khu công nghiệp đã được thế chấp để đảm bảo thanh toán cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.17b).

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	198.294.804.546	170.929.213.717	22.303.289.656	513.485.455	15.683.594.183	407.724.387.557
Mua trong kỳ	-	1.849.555.000	-	-	229.388.000	2.078.943.000
Đầu tư xây dựng hoàn thành	3.754.582.641	-	-	-	-	3.754.582.641
Điều chỉnh và phân loại lại tài sản	(612.645.537)	1.315.220.533	-	-	(637.602.073)	64.972.923
Giảm khác	(867.111.422)	(740.933.328)	-	-	(45.671.254)	(1.653.716.004)
Số cuối kỳ	200.569.630.228	173.353.055.922	22.303.289.656	513.485.455	15.229.708.856	411.969.170.117
Trong đó:						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	5.344.719.983	116.765.672.057	6.161.384.900	297.049.091	2.979.573.451	131.548.399.482
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	97.287.253.471	129.831.157.909	11.560.822.539	413.546.061	8.108.079.748	247.200.859.728
Khấu hao trong kỳ	7.443.598.770	3.715.294.990	851.900.288	36.072.728	688.985.752	12.735.852.528
Số cuối kỳ	104.730.852.241	133.546.452.899	12.412.722.827	449.618.789	8.797.065.500	259.936.712.256
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	101.007.551.075	41.098.055.808	10.742.467.117	99.939.394	7.575.514.435	160.523.527.829
Số cuối kỳ	95.838.777.987	39.806.603.023	9.890.566.829	63.866.666	6.432.643.356	152.032.457.861
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Tài sản cố định là công trình Nhà xưởng tại Khu công nghiệp Diên Phú và một số máy móc thiết bị có giá trị còn lại tại ngày cuối kỳ là 44.691.565.953 VND đã được thế chấp để đảm bảo thanh toán cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng thương mại (xem thuyết minh số V.17b).

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm máy tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	924.277.779	741.555.560	182.722.219
Khấu hao trong kỳ	-	76.083.334	-
Số cuối kỳ	924.277.779	817.638.894	106.638.885

Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 467.777.779 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	10.153.500	470.888.270			481.041.770
Xây dựng cơ bản dở dang	6.848.079.350	1.325.278.138	(3.754.582.641)	-	4.418.774.847
- Nhà yến số 6- Easúp	1.272.409.295	78.333.699	(1.350.742.994)	-	-
- Hệ thống phòng cháy chữa cháy kho số 10 và cụm bơm cấp nước PCCC	2.203.254.166	200.585.481	(2.403.839.647)	-	-
- Các công trình khác	3.372.415.889	1.046.358.958	-	-	4.418.774.847
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	959.740.000	-	(959.740.000)	-
Cộng	6.858.232.850	2.755.906.408	(3.754.582.641)	(959.740.000)	4.899.816.617

Kỳ này không phát sinh chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (cùng kỳ trước năm trước là 1.340.350.024 VND).

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các chi phí phải trả và lãi nội bộ trong Tập đoàn, phát sinh trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.800.320.028	4.754.987.002
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	395.403.504	391.966.984
Số cuối kỳ	6.195.723.532	5.146.953.986

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	3.039.459.100	5.663.349.442
Công ty TNHH MTV Cung ứng vật tư nguyên liệu Khánh Hòa	1.925.800.000	-
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	254.001.096	31.292.784
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa	102.859.029	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam	130.613.411	4.099.994.190
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	552.397.372	520.312.686
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	-	8.550.003
Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng Sanatech Land	73.788.192	1.003.199.779

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>95.100.684.900</i>	<i>205.077.309.467</i>
Công ty TNHH 79 Ngô Gia Tự	17.815.018.944	40.472.771.721
Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ in bao bì Cuộc Sống Mới	9.881.088.334	16.778.228.557
Công ty TNHH Bao Bì Nước Giải Khát Crown Đà Nẵng	22.382.666.385	34.925.659.587
Các nhà cung cấp khác	45.021.911.237	112.900.649.602
Cộng	98.140.144.000	210.740.658.909

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng khác	22.821.673	814.227.056
Cộng	22.821.673	814.227.056

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.686.278.390	2.998.620.339	11.420.435.104	(24.274.055.960)	423.447.073	14.589.409.878
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.082.818.754	-	9.043.244.154	(12.402.187.764)	514.663.381	790.788.237
Thuế thu nhập cá nhân	12.657.338.370	-	963.712.804	(4.340.429.095)	9.280.622.079	-
Tiền thuê đất, Thuế nhà đất	-	-	71.520.582	(71.520.582)	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	26.000.000	(26.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	19.824.752	-	80.988.223	(82.836.575)	17.976.400	-
Cộng	17.446.260.266	2.998.620.339	21.605.900.867	(41.197.029.976)	10.236.708.933	15.380.198.115

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Hàng xuất khẩu : 0%
- Đường phèn, đường kết tinh, nước sạch : 5%
- Hàng hóa khác : 10%

Trong 6 tháng đầu năm 2025, thuế suất giá trị gia tăng của các mặt hàng, dịch vụ chịu thuế 10% giảm xuống còn 8% theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng theo Quyết định số 3863/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 và Quyết định số 3864/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương còn phải trả cho người lao động	33.017.155.519	16.698.919.246
Cộng	33.017.155.519	16.698.919.246

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	235.572.798	266.120.960
Các chi phí phục vụ hoạt động bán hàng	10.739.159.373	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	157.048.227	55.028.403
Cộng	11.131.780.398	321.149.363

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.126.538.918</i>	<i>697.356.771</i>
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ủy thường Ban điều hành	1.126.538.918	697.356.771
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>4.812.317.042</i>	<i>4.318.961.722</i>
Tài sản thừa chờ xử lý	1.156.057.098	1.012.253.081
Kinh phí công đoàn	3.484.459.568	3.246.230.952
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	171.800.376	60.477.689
Cộng	5.938.855.960	5.016.318.493

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay ngắn hạn/dài hạn

17a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn tổ chức và cá nhân khác	107.862.796.614	103.739.428.423
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	52.645.069.431	62.064.873.988
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	55.217.727.183	41.674.554.435
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	6.012.000.000	7.284.000.000
Cộng	113.874.796.614	111.023.428.423

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn.

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo các hợp đồng vay theo hạn mức như sau:

+ Hợp đồng vay số 2024/HM-SANEST ngày 30 tháng 5 năm 2024 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định, hạn mức vay là 150 tỷ đồng, thời hạn giải ngân trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay tối đa là 06 tháng, lãi suất tiền vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

+ Hợp đồng vay số 2025/HMCV-SANEST ngày 20 tháng 6 năm 2025 với mục đích vay là tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương án sử dụng vốn vay của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định; hạn mức vay là 150 tỷ đồng, thời hạn giải ngân trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay tối đa là 06 tháng, lãi suất tiền vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo các hợp đồng vay theo hạn mức như sau:

+ Hợp đồng vay hạn mức số 40/2024-HĐCVHM/NHCT580-KHDNL ngày 01 tháng 7 năm 2024 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; hạn mức cho vay là 100 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay tối đa là 05 tháng, lãi suất tiền vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

+ Hợp đồng vay hạn mức số 38/2025-HĐCVHM/NHCT580-KHDNL ngày 26 tháng 6 năm 2025 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; hạn mức cho vay là 100 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay tối đa là 05 tháng, lãi suất tiền vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn	103.739.428.423	146.687.093.058	(142.563.724.867)	-	107.862.796.614
Vay dài hạn đến hạn trả	7.284.000.000	-	(4.278.000.000)	3.006.000.000	6.012.000.000
Cộng	111.023.428.423	146.687.093.058	(146.841.724.867)	3.006.000.000	113.874.796.614

17b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	24.052.360.611	27.058.360.611
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	-	3.358.224.500
Cộng	24.052.360.611	30.416.585.111

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 115/2022-HĐCVĐĐT/NHCT580-KHDNL ngày 21 tháng 12 năm 2022 để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến đặc sản Yến sào. Hạn mức cho vay là 38 tỷ đồng. Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất tiền vay được xác định trong từng giấy nhận nợ.

Khoản vay này được đảm bảo thanh toán bằng thế chấp Quyền sử dụng đất thuê tại Lô số 10, Cụm công nghiệp Diên Phú mở rộng, xã Diên Điền, tỉnh Khánh Hòa và toàn bộ các tài sản gắn liền với thửa đất này (xem thuyết minh số V.6b và V.7).

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 2023/TDH-SANEST ngày 31/07/2023. Mục đích vay để thanh toán các khoản chi phí và bù đắp các khoản chi phí mà Công ty đã thanh toán chi phí liên quan đến việc đầu tư xây dựng Nhà Văn phòng 2 tại Nhà máy nước giải khát cao cấp Yến sào. Hạn mức cho vay là 10 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng. Khoản vay này đã được thanh toán hết trong kỳ.

Kỳ hạn thanh toán của khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	6.012.000.000	7.284.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	24.052.360.611	27.406.224.500
Trên 05 năm	-	3.010.360.611
Cộng	30.064.360.611	37.700.585.111

Phát sinh về khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	30.416.585.111	11.622.241.500
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-	17.128.718.311
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(3.358.224.500)	-
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(3.006.000.000)	(1.216.000.000)
Số cuối kỳ	24.052.360.611	27.534.959.811

17c. Vay và nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích từ lợi nhuận trong kỳ	Nhận khen thưởng	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	227.852.529	598.941.169	127.020.000	(472.500.000)	481.313.698
Quỹ phúc lợi (*)	17.412.422.272	6.264.880.297	-	(25.159.970.319)	(1.482.667.750)
Cộng	17.640.274.801	6.863.821.466	127.020.000	(25.632.470.319)	(1.001.354.052)

- (*) Số dư cuối kỳ được trình bày ở chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác (xem thuyết minh số V.4a).

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	330.000.000.000	34.461.191.621	69.706.283.027	434.167.474.648
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	31.274.441.088	31.274.441.088
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	3.127.444.109	(3.127.444.109)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(6.254.888.218)	(6.254.888.218)
Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	(625.488.821)	(625.488.821)
Số dư cuối kỳ trước	330.000.000.000	37.588.635.730	90.972.902.967	458.561.538.697
Số dư đầu năm nay	330.000.000.000	40.087.911.829	38.271.980.431	408.359.892.260
Chia cổ tức năm trước	-	-	(38.247.000.000)	(38.247.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	34.319.107.325	34.319.107.325
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển	-	3.431.910.732	(3.431.910.732)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(6.863.821.466)	(6.863.821.466)
Tạm trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	(686.382.147)	(686.382.147)
Số dư cuối kỳ này	330.000.000.000	43.519.822.561	23.361.973.411	396.881.795.972

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết góp vốn theo cổ đông lớn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa	168.500.000.000	168.500.000.000
Các cổ đông khác	161.500.000.000	161.500.000.000
Cộng	330.000.000.000	330.000.000.000

19c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.000.000	33.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	33.000.000	33.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.000.000	33.000.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 tại Nghị quyết số 01/2025-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong kỳ trước	Số trích trong kỳ này
• Chia cổ tức cho cổ đông	38.247.000.000	-	38.247.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	5.626.720.208	5.626.720.208	-
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	11.253.440.413	11.253.440.413	-
• Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quỹ thưởng Ban điều hành	1.125.344.041	1.125.344.041	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngoài ra, Tập đoàn đã tạm phân phối lợi nhuận của 6 tháng đầu năm 2025 như sau:

	Số tiền (VND)
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 3.431.910.732
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 6.863.821.466
• Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quỹ thưởng Ban điều hành	: 686.382.147

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền chỉ có 38,057.89 USD (số đầu năm là 1,746.13 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1a. Tổng doanh thu

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	318.312.110.716	356.299.942.499	642.136.631.209	638.459.572.399
Doanh thu bán nguyên vật liệu	310.434.600	215.957.000	917.495.600	659.279.000
Doanh thu khác	158.344.261	227.878.320	306.536.104	534.827.458
Cộng	318.780.889.577	356.743.777.819	643.360.662.913	639.653.678.857

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa	213.104.245.870	136.911.695.465	431.453.073.921	251.231.583.843
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	26.601.648.500	28.189.233.100	49.679.103.600	36.587.647.176
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	189.669.162	255.388.208	496.953.527	433.661.918
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam	-	108.563.600	185.296.500	443.873.375
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây Dựng Sanatech Land	-	348.582.100	3.010.000	573.342.600
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng	-	1.883.444.800	-	1.972.852.300
Công ty TNHH MTV Nông Trường Dừa Cam Thịnh	-	1.887.426.000	3.203.182	1.949.809.200
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Fishsan	-	1.867.296	-	5.051.558
Công ty TNHH MTV du lịch Sanest Tourist	8.015.741	-	8.015.741	-

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	3.509.794.444	-	3.509.794.444	-
Cộng	3.509.794.444	-	3.509.794.444	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Giá vốn hàng bán**

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm	241.169.398.493	257.519.414.638	497.434.272.984	466.410.181.657
Giá vốn của nguyên vật liệu	310.454.414	215.741.872	917.208.424	658.342.110
Giá vốn khác	140.274.561	227.818.880	275.251.046	534.772.435
Cộng	241.620.127.468	257.962.975.390	498.626.732.454	467.603.296.202

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	356.649.889	382.082.196	799.223.933	716.818.540
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.526.691	7.884.821	5.219.996	7.905.807
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	15.842.485	-	15.842.485	-
Cộng	376.019.065	389.967.017	820.286.414	724.724.347

5. Chi phí tài chính

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.773.031.877	772.708.711	3.794.211.731	1.907.271.549
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	884.123	5.874.349	2.169.791
Cộng	1.773.031.877	773.592.834	3.800.086.080	1.909.441.340

6. Chi phí bán hàng

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.260.492.411	7.660.467.738	15.698.115.146	15.567.569.859
Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ, dụng cụ	3.603.449.870	3.715.745.795	6.847.014.598	7.372.880.410
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.035.709	82.966.146	118.137.424	165.932.292
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.451.987.853	5.919.728.564	12.382.790.761	12.776.938.447
Các chi phí khác	16.425.087.797	42.434.140.138	23.679.388.887	59.458.483.012
Cộng	35.794.053.640	59.813.048.381	58.725.446.816	95.341.804.020

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.437.993.298	10.735.028.989	18.014.606.079	22.354.641.447
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	1.614.536.902	962.810.839	2.484.537.302	1.834.162.008
Chi phí khấu hao tài sản cố định	597.345.522	279.531.584	1.182.480.004	553.422.626
Thuế, phí và lệ phí	207.410.962	152.832.291	232.410.962	176.832.291
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.662.526.965	1.682.655.027	3.778.129.471	3.834.620.746
Các chi phí khác	2.770.937.441	4.681.512.756	11.178.411.170	7.634.074.783
Cộng	15.290.751.090	18.494.371.486	36.870.574.988	36.387.753.901

8. Thu nhập khác

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ xử lý kết quả kiểm kê	366.671.651	34.545.334	375.930.505	213.011.016
Thu nhập khác	3.883.852	24.169.099	22.282.097	47.448.256
Cộng	370.555.503	58.714.433	398.212.602	260.459.272

9. Chi phí khác

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	42.897.746	76.304.704	79.579.172	76.364.478
Cộng	42.897.746	76.304.704	79.579.172	76.364.478

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp thuế thu nhập hoãn lại	787.147.979	868.518.456	1.367.957.710	1.800.624.649
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(721.640.747)	(1.199.546.182)	(1.763.361.214)	(2.192.591.633)
Cộng	65.507.232	(331.027.726)	(395.403.504)	(391.966.984)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Lãi trên cổ phiếu

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.167.387.032	15.876.012.239	34.319.107.325	31.274.441.088
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành	(4.119.859.554)	(3.175.202.448)	(7.550.203.613)	(6.254.888.218)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	13.047.527.478	12.700.809.791	26.768.903.712	25.019.552.870
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	33.000.000	33.000.000	33.000.000	33.000.000
Lãi trên cổ phiếu	395	385	811	758

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	223.488.158.435	243.969.560.334	416.780.103.838	461.472.057.875
Chi phí nhân công	50.073.941.057	50.351.626.982	104.024.082.923	106.287.080.959
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.305.940.660	7.588.724.773	12.742.417.384	15.021.062.359
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.955.376.833	12.535.594.900	25.904.882.702	25.409.698.422
Các chi phí khác	19.791.668.250	48.097.401.575	36.297.176.069	68.880.499.540
Cộng	313.615.085.235	362.542.908.564	595.748.662.916	677.070.399.155

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Công nợ liên quan đến mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, công nợ liên quan đến mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ứng trước tiền mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	648.447.500	286.614.900
Phải trả tiền mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.021.528.781	4.034.495.935

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại V.16.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng tiền lương, thưởng và thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:

	Số lượng (người)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành chuyên trách		1.472.080.981	1.310.900.000
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	01	254.205.000	-
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	01	228.285.000	264.100.000
Thành viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 26/3/2025) kiêm Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31/12/2024)	01	73.386.501	277.600.000
Phó Tổng Giám đốc	01	231.555.000	264.100.000
Phó Tổng Giám đốc	01	226.863.160	-
Trưởng Ban kiểm soát	01	241.013.160	270.400.000
Kế toán trưởng	01	216.773.160	234.700.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số lượng (người)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách		358.724.480	228.300.000
Chủ tịch Hội đồng quản trị	01	97.400.000	41.100.000
Thành viên Hội đồng quản trị	01	89.608.160	57.600.000
Thành viên Hội đồng quản trị	01	73.808.160	57.600.000
Thành viên Ban kiểm soát	01	50.500.000	36.000.000
Thành viên Ban kiểm soát	01	47.408.160	36.000.000
Cộng		1.830.805.461	1.539.200.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa	Công ty mẹ, sở hữu 51,06% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	Công ty con của Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nông trường Dừa Cam Thịnh	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Fishsan	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa		
Công ty chi trả cổ tức	19.529.150.000	-
Mua hàng hóa, dụng cụ, dịch vụ, lắp đặt thiết bị và chi trả khác	81.056.680.924	14.968.960.328
Thuê xe, nhiên liệu	150.138.011	113.342.968
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa		
Mua hàng hóa, dụng cụ và thành phẩm nước yến	50.813.937.100	35.437.010.550
Công ty TNHH MTV Cung ứng vật tư nguyên liệu Khánh Hòa		
Mua hàng hóa	11.758.796.260	25.356.650
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa		
Mua hàng hóa, công cụ	2.325.505.406	5.056.956.487
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam		
Mua xăng dầu và dịch vụ khác	3.888.926.499	9.097.274.675
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land		
Mua vật liệu, phí tư vấn, sửa chữa...	86.196.827	1.268.923.702
Giao dịch khác	-	67.791.279
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist		
Chi phí thuê xe, dịch vụ du lịch...	65.772.740	107.170.294
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		
Chi phí sử dụng dịch vụ	34.873.217	125.822.543
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		
Chi phí sử dụng dịch vụ	120.370.370	23.731.935
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng		
Mua hàng hóa, nguyên liệu	123.250.443	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang		
Mua vật tư, thuê mặt bằng	779.788.025	965.999.791

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2 và V.11.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Tập đoàn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là chế biến và kinh doanh các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ Yến sào và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngô Thị Xuân Nghĩa
Người lập/Kế toán trưởng

Lê Hoàng Anh
Tổng Giám đốc



Khánh Hòa, ngày 28 tháng 7 năm 2025

Lê Đức Tiến
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật